

Bản án số: 23/2022/HS-ST

Ngày 28 tháng 4 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Bùi Thị Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Tiến Bộ**

Ông Lê Mạnh Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thùy Linh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Tuấn A**; tên gọi khác: Không, sinh năm: 1984. Tại quận Đ, Tp, Hà Nội; ĐKNKTT: số 27, tổ 4, ngõ 2, Xã Đ, phường Nam Đ, quận Đ, TP Hà Nội; chỗ ở: Bỏ nhà đi, sống không có nơi cư trú ổn định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Họ tên bố: **Bùi Chí T** – SN 1963; Họ tên mẹ: **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1963. Điều ĐKHKT: số 27, tổ 4, ngõ 2, Xã Đ, phường Nam Đ, quận Đ, TP Hà Nội. Chỗ ở: phố Nguyễn C, phường Thịnh L, quận Hoàng M, TP. Hà Nội; Vợ, Con: Chưa;

Nhân thân: + Ngày 22/2/2001 bị Công an quận Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối TTCC; Ngày 09/5/2007 bị TAND quận Đ xử phạt 36 tháng tù theo bản án số 142 về tội Cướp giật tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù và chưa chấp hành xong nghĩa vụ án phí vì lý do Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền không nhận được bản án.

Tiền sự; Chưa.

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 25/9/2014, bị TAND quận Hoàng Mai xử phạt 10 tháng tù theo bản án số 194 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù và chấp hành xong nghĩa vụ án phí.

Bị cáo bị bắt ngày 5/11/2021 theo quyết định truy nã, chuyển tạm giữ từ ngày 6/11/2021, chuyển tạm giam từ ngày 9/11/2021, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

2. Bị hại:

+ Anh Nguyễn Văn K sinh năm 1989; Trú tại: thôn T, xã Hợp T, huyện M, TP Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1988; Trú tại: Thôn An Đ, xã An T, huyện M, TP. Hà Nội.

3. Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Hùng H sinh năm 1982, trú tại: 27B, phường C, quận Đ, TP. Hà Nội.

- Chị Dương Thị N sinh năm 1985, trú tại: số 11, Ngõ 27, Phường C, quận Đ, TP Hà Nội(vợ H).

- Anh Đỗ Quyết T; sinh năm 2001; Trú tại số 254, Đê La T, phường Thổ Q, quận Đ, TP. Hà Nội.

Tại phiên tòa: Bị cáo có mặt, các bị hại, toàn bộ người có quyền L nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 01/01/2016, Bùi Tuấn A sinh năm 1984, đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 27 tổ 4 ngõ 2 Xã Đ, phường Nam Đ, quận Đ, TP. Hà Nội cùng Nguyễn Văn L sinh năm 1982, Nguyễn Văn T sinh năm 1988, Nguyễn Văn C sinh năm 1994(là cháu ruột L), đều trú tại: thôn An Đ, xã An T, huyện M, TP. Hà Nội uống rượu tại nhà L. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, Bùi Tuấn A cùng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C rủ nhau đi hát karaoke tại quán 15 giờ thuộc địa bàn xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội, trong lúc hát thì Tuấn A gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn K sinh năm 1989, trú tại: thôn T, xã Hợp T, huyện M, TP Hà Nội (là bạn của T) đến quán hát cùng. Khoảng 22h cùng ngày, Nguyễn Văn K đi xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, BKS 29Y1 – A màu trắng từ nhà mình đến quán hát. Trong quá trình hát, Tuấn A nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên lấy lý do điện thoại hết pin, hỏi mượn của Nguyễn Văn T chiếc điện thoại Iphone 4S màu trắng để gọi điện cho bạn gái của Tuấn A đến hát cùng, T đồng ý và đưa điện thoại cho Tuấn A, sau khi cầm được điện thoại của T, Tuấn A đi ra

ngoài phòng hát một lúc rồi quay lại bảo K cho mượn xe mô tô của K nói dối là đi đón bạn gái, K đồng ý và đưa chìa khoá xe mô tô cho Tuấn A. Sau khi cầm được điện thoại của T và chìa khoá xe mô tô của K, Tuấn A điều khiển xe máy theo hướng đi ra quận Hà Đông, TP. Hà Nội và tắt nguồn máy điện thoại của mình, điện thoại mượn của T để cắt liên lạc với mọi người. Đến ngày hôm sau, Tuấn A đem bán chiếc điện thoại Iphone 4S màu trắng của T cho một người không quen biết tại một cửa hàng điện thoại ở khu vực quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội được số tiền là 1.200.000 đồng, rồi điều khiển chiếc xe mô tô của K đến khu vực đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP. Hà Nội bán cho một người chỉ biết tên là Phú(không rõ nhân thân và địa chỉ cụ thể) với số tiền là 15.000.000 đồng, rồi bỏ trốn.

Ngày 26/8/2020, Tổ công tác Y19 – 141 Công an TP. Hà Nội làm nhiệm vụ tại nút giao thông Xã Đàn – Phạm Ngọc Thạch, TP. Hà Nội kiểm tra phát hiện Đỗ Quyết T sinh năm 2001, đăng ký nhân khẩu thường trú: xóm 5, xã C, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam, chỗ ở: số 254, Đê La T, phường Thổ Q, quận Đ, TP. Hà Nội điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đen biển kiểm soát 29E- B, số khung 074838, số máy 0074843 không đội mũ bảo hiểm, không có đăng ký xe nên tổ công tác bàn giao người và phương tiện về Công an phường Phương Liên giải quyết. Tiến hành tra cứu chiếc xe máy trên xác định chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn K sinh năm 1989, trú tại: thôn T, xã Hợp T, huyện M, TP. Hà Nội. Đến ngày 10/12/2020, Cơ quan CSĐT – Công an quận Đ có Công văn số 4870, chuyển giao hồ sơ vụ việc và chiếc xe mô tô nêu trên đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện Mỹ Đức để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình xác minh đối tượng liên quan xác định: Nguyễn Hùng H sinh năm 1982, trú tại: 27B, phường Cát L, quận Đ, TP. Hà Nội, mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, BKS 29Y1 -A màu trắng của một người tên T (không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) với số tiền là 25.000.000 đồng. Do xe không có giấy đăng ký nên H đã tháo BKS 29Y1 – A ra, lắp BKS 29E- B từ một chiếc xe VISION đứng tên chị Dương Thị N sinh năm 1985, trú tại: số 11, Ngõ 27, Phường Cát L, quận Đ, TP Hà Nội(vợ H) và do màu sơn xe mô tô đó cũ nên H đi sơn lại sang màu đen để sử dụng. Đến cuối tháng 8/2020, Nguyễn Tiến Đ sinh năm 1998, đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 5, xã Chính L, huyện Lý N, tỉnh Hà N(bạn H) mượn của H chiếc xe máy trên để đi lại, ngày 26/8/2020, Đỗ Quyết Tiến mượn của Đạt chiếc xe máy này tham gia giao thông thì bị tổ Công tác Y19 - 141 – Công an TP Hà Nội kiểm tra và thu giữ. Quá trình điều tra, ngày 31/12/2021 Nguyễn Hùng H giao nộp cho Cơ quan CSĐT – Công an huyện Mỹ Đức một biển kiểm soát 29Y1 – 197.64.

Ngày 18/8/2021, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Mỹ Đức ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Bùi Tuấn A, nhưng do bị can bỏ

trôn nên ngày 05/9/2021, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Mỹ Đức ra Quyết định truy nã đối với Bùi Tuấn A và tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra bị can.

Ngày 05/11/2021, Bùi Tuấn A bị Công an quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội bắt theo Quyết định truy nã, thu giữ 01 điện thoại di động kiểu dáng Itel S33 màu đen có số Imei: 358064098491123, Imei: 358064098491131 của Bùi Tuấn A và bàn giao cho đối tượng cùng chiếc điện thoại đã thu giữ cho Cơ quan CSĐT – Công an huyện Mỹ Đức tiếp nhận để tiến hành điều tra làm rõ. Ngày 6/11/2021, Cơ quan CSĐT công an huyện Mỹ Đức ra quyết định đình nã, quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, phục hồi điều tra bị can đối với Bùi Tuấn A.

Ngày 23/7/2021, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Mỹ Đức ra yêu cầu định giá tài sản số 41/CQĐT đề nghị Hội đồng Định giá tài sản trong TTHS huyện Mỹ Đức tiến hành định giá xe mô tô BKS 29Y1- A tại thời điểm bị xâm hại năm 2016.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐ ĐGTTT, kết luận: *01 chiếc xe mô tô BKS 29Y1- A, số máy 0074843, số khung 074838, xe đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 21/8/2014. Thời điểm định giá ngày 01/01/2016. Kết luận về giá tài sản của Hội đồng 63.101.000 đồng.*

Ngày 26/11/2021, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Mỹ Đức ra yêu cầu định giá tài sản số 73/CQĐT đề nghị Hội đồng Định giá tài sản trong TTHS huyện Mỹ Đức tiến hành định giá một điện thoại Iphone 4S màu trắng 16GB tại thời điểm bị xâm hại năm 2016.

Tại Kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐ ĐGTTT, kết luận: *Tên tài sản cần định giá(Tài sản không thu được hiện vật) 01 điện thoại Iphone 4S màu trắng 16GB. Thời điểm định giá ngày 01/01/2016. Kết luận về giá tài sản của Hội đồng 3.167.000.*

Quá trình điều tra, ban đầu bị cáo Bùi Tuấn A không thừa nhận hành vi của mình, nhưng sau đó đã thừa nhận và thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của Bùi Tuấn A phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai nhân chứng, lời khai người liên quan, tang vật thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Tuấn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu cụ thể:

tại thời điểm năm 2016 do không có tiền tiêu sài nên khi làm quen được với K và T thông qua L tại nhà L và tại quán hát Karaoke, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là của bị hại nên đã nảy sinh ý định lừa dối mượn các tài sản điện thoại và xe máy để đi đón bạn gái đến quán hát nhưng thực chất sau khi mượn được các tài sản trên bị cáo đã bỏ trốn khỏi quán hát và bán xe máy được 15.000.000 cho một người tên Tùng, bán điện thoại được 1.200.000 đồng cho một cửa hàng điện thoại tại khu vực quận Hoàng Mai (Thời gian lâu nên bị cáo không nhớ tên chủ mua và địa chỉ cửa hàng) để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sợ bị phát hiện nên bị cáo đã bỏ trốn, bị ra quyết định truy nã và đã bị bắt ngày 05/11/2021 khi đang lần trốn. Tại phiên tòa bị cáo nhận tội xin được hưởng khoan hồng của nhà nước và xin tự nguyện sẽ bồi thường số tiền 3.167.000 đồng giá trị chiếc điện thoại bị cáo đã chiếm đoạt cho anh T và nhất trí sẽ nộp lại số tiền do bán tài sản phạm tội mà có vào ngân sách nhà nước sau khi mãn hạn tù và có đủ điều kiện về kinh tế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi, tội danh và điều luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đối với bị cáo mức án tù từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù.

Buộc bị cáo phải nộp sung quỹ nhà nước số tiền bán tài sản trộm cắp mà có là 16.200.000 đồng.

+ Về dân sự: Bị hại K đã nhận lại xe máy bị mất, Bị hại T chưa nhận được điện thoại do Tuấn A lừa bán mất nhưng các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không giải quyết.

Người liên quan là H: không có quan điểm bồi thường nên không xem xét.

+ Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Mỹ Đức; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên huyện Mỹ Đức trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng Hình sự. Về các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố

tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận có hành vi ngay từ ban đầu đã có ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách nói dối tạo sự tin tưởng để bị hại giao tài sản sau đó chiếm đoạt bán các tài sản này để lấy tiền tiêu sài cá nhân như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Tại kết luận định giá tài sản giá trị các tài sản bị lừa đảo chiếm đoạt có tổng giá trị là: 66.268.000 đồng (3.167.000 định giá điện thoại và 63.101.000 giá trị của xe máy). Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Viện Kiểm sát đã truy tố bị cáo Bùi Anh T áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS, là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất ổn định trật tự tại địa phương nơi bị cáo gây án. Bản thân bị cáo biết rất rõ hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. bản thân bị cáo đã từng nhiều lần bị xét xử về hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác và phải đi chấp hành án phạt tù nhiều lần nhưng không coi đó là bài học để cải sửa lỗi lầm mà tiếp tục phạm tội để chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho mục đích cá nhân là thể hiện sự coi thường pháp luật. Lần gần đây nhất là năm 2014 bị Tòa án xét xử về tội danh: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” án phạt 10 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 19/4/2015, ngày 01/01/2016 lại tiếp tục phạm tội nên được coi là tái phạm cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 để lên mức hình phạt cho bị cáo là đúng pháp luật. Đại diện Viện Kiểm sát khi lên mức hình phạt không áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm đối với bị cáo là còn có thiếu sót. Sau khi phạm tội bị cáo đã không ra đầu thú mà bị bắt theo quyết định truy nã của cơ quan điều tra. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì. Hội đồng xét xử đã cân nhắc để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Hùng H mua, sử dụng chiếc xe máy nêu trên, Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Quyết T là người mượn chiếc xe máy SH của H để sử dụng làm phương tiện đi lại, do H, Đ, T không biết chiếc xe này là xe do phạm tội mà có nên không phạm tội.

Đối với BKS 29E- B: Quá trình xác minh giải quyết, Công an phường Phương Liên, quận Đ, TP. Hà Nội đã tiến hành tra cứu xác định chủ sử dụng BKS này là Dương Thị N sinh năm 1985, nơi cư trú: số nhà 11, ngõ 27, phường C L, quận Đống Đ, TP. Hà Nội, chỗ ở: phường Lạc Long Q, quận Tây H, TP. Hà Nội(là vợ Nguyễn Hùng H), N không có nhu cầu nhận lại BKS này. Nên Công an phường Phương L, quận Đ, TP. Hà Nội không chuyển giao theo hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Đối với đối tượng tên P là người mua chiếc xe máy SH, đối tượng mua chiếc điện thoại của Tuấn A và đối tượng tên Tùng là người bán chiếc xe máy SH cho Nguyễn Hùng H, do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của các đối tượng này nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện Mỹ Đức không có căn cứ để xem xét xử lý đối với người tên Phú và Tùng trong vụ án này.

Đối với chủ cửa hàng mà Tuấn A bán điện thoại, do Tuấn A không nhớ địa điểm cụ thể và họ tên của đối tượng này nên không đủ căn cứ xác định để xem xét xử lý trong vụ án này.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nơi cư trú ổn định, không có nghề nghiệp và thu nhập, bản thân phải đi chấp hành án nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại K không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 4S màu trắng 16GB của Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra có căn cứ xác định bị cáo Bùi Tuấn A đã chiếm đoạt của T là chủ sở hữu, bị hại T không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nhưng tại phiên tòa bị cáo xin tự nguyện sẽ bồi thường thiệt hại 3.167.000 đồng cho bị hại cần chấp nhận là đúng pháp luật.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Anh H không có yêu cầu đề nghị gì về số tiền mua xe của đối tượng tên Tùng nên không xem xét.

[6] + Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm:

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đen, số máy: 0074843, số khung: 074838. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn K sinh năm 1989, trú tại: thôn Thọ, xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô đã nêu nên ngày 10/12/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỹ Đức đã trả chiếc xe này cho Nguyễn Văn K. Về trách nhiệm dân sự Nguyễn Văn K không có đề nghị gì nên không xem xét.

Đối với 01 BKS 29Y1- 197.64 do Nguyễn Hùng H, sinh năm 1982, trú tại: 27B, phường Cát Linh, quận Đ, TP Hà Nội giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỹ Đức ngày 31/12/2021. Anh K không xin nhận lại Biên kiểm soát này nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động kiểu dáng Itel S33 màu đen có số Imei: 358064098491123, Imei: 358064098491131, Công an quận Thanh Xuân thu giữ của Bùi Tuấn A ngày 5/11/2021. Cần trả lại cho bị cáo vì không phải tang vật của vụ án.

Đối với số tiền bị cáo thu lời bất chính 15.000.000 đồng từ việc bán xe, bị cáo xin tự nguyện nộp vào nhà nước sau khi mãn hạn tù cần chấp nhận là đúng pháp luật.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Người bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Bùi Tuấn A** phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bùi Tuấn A 42 (bốn mươi hai) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam 05/11/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh K và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Bùi Tuấn A sẽ bồi thường thiệt hại số tiền 3.167.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Anh H không có yêu cầu đề nghị gì về số tiền mua xe của đối tượng tên Tùng nên không xem xét.

Kể từ thời điểm án có hiệu lực pháp luật, người có nghĩa vụ thanh toán chậm trả khoản tiền phải thanh toán thì phải chịu lãi xuất theo qui định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015, trong thời gian và trên số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

qui định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 BKS 29Y1- 197.64 Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa Công an huyện Mỹ Đức và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức).

Trả lại cho Bùi Tuấn A 01 điện thoại di động kiểu dáng IteI S33 màu đen có số Imei: 358064098491123, Imei: 358064098491131 theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa Công an huyện Mỹ Đức và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 01 Điều 21, điểm a khoản 01 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Tuấn A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Công an huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (thay thông báo);
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hồng